|  |  |
| --- | --- |
| Tuần: Tiết: 41 | Ngày soạn: Ngày dạy :  |

**LUYỆN TẬP 2**

**I. MỤC TIÊU:**

**1.*Kiến thức* :** Tiếp tục củng cố định lý Py-ta-go và định lý Py-ta-go đảo

**2.*Kỹ năng*:** Vận dụng định lý Py-ta-go để tính độ dài một cạnh của tam giác vuông và vận dụng định lý Py-ta-go đảo để nhận biết một tam giác là tam giác vuông.

**3.*Thái độ* :** Hiểu và biết vận dụng kiến thức học trong bài vào thực tế

**4. Định hướng năng lực, phẩm chất**

***- Năng lực:*** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, năng lực ngôn ngữ, năng lực tự học.

***- Phẩm chất:*** Tự tin, tự chủ.

**II. CHUẨN BỊ:**

 **\* GV:** Thước thẳng, thước đo góc, êke, compa, phấn màu.

 **\* HS :** Học bài, làm bài tập. Thước thẳng. Thước đo góc.

 **III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

1. **Ổn định lớp:**
2. **Tiến trình dạy học:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **GHI BẢNG** |
| **A. Hoạt động luyện tập****Mục tiêu:**Luyện tập kỹ năng vận dụng định lý Pytago vào trong tam giác vuông của học sinh**Phương pháp:** Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm |
| Cho HS làm bài 60/133 SGK- Kiểm tra bài tập về nhà của HS- Nhận xét, đánh giá, sửa sai (nếu có) mỗi bài làm của HS |  - Vẽ hình, áp dụng ĐL Pytago để tính các đoạn AC và BH.AC2 = AH2 + HC2= 122 + 162 = 400=> AC = 20 (cm) AB2 = AH2 + HB2=> HB2= AB2 - AH2 = 132 - 122 = 25=> HB = 5 (cm) |  Trong tam giác vuông AHCÁp dụng ĐL Pytago ta có:AC2 = AH2 + HC2= 122 + 162 = 400=> AC = 20 (cm) Tương tự : BH = 5 (cm)=> BC = BH + HC = 5 + 16 = 21 (cm)  |
| Làm bài tập 59/133 SGKGV nhận xét sửa sai |   HS nhận xét  | Trong hình chữ nhật ABCD ta có AB = CD = 36 cmAD = BC = 48 cmTrong tam giác vuông ABCÁp dụng ĐL Pytago ta có:AC2 = AB2 + BC2= 362 + 482 = 3600=> AC = 60 (cm) |
| **B. Hoạt động vận dụng****Mục tiêu:** Vận dụng định lý Pytago vào trong các trường hợp mở rộng.**Phương pháp:** |
| - GV hướng dẫn HS ghi thêm kí hiệu điểm E, DMuốn tính cạnh AB ta tính như thế nào?Tương tự tính AC, BC- Gọi HS lên bảng làm | Áp dụng ĐL Pytago: AB2 = AF2 + BF2 |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|

|  |
| --- |
| C |

 |  |  |  |  D |  |
|   |   |   |   |   |  |
|   |   |   |   |   |  |
|   |   |   |   |   | B |
|   |   |   |   |   |  |
| E |  |  | A |  | F |

 Áp dụng định lí Pi Ta Go trong tam giác vuông ABF cóAB2 = AF2 + BF2AB2 = 22 + 12 = 4+ 1 =5⇒ AB =  Tương tự: AC = 5 ; BC =  |
| **C. Hoạt động tìm tòi mở rộng + bài tập nhà****Mục tiêu:** Khuyến khích sự tò mò sáng tạo của học sinh khi vận dụng định lý Pytago**Phương pháp:** Hoạt động cá nhân |
| - Để biết con Cún tới được vị trí A, B, C, D không ta làm thế nào? | Tính khoảng cách từ O đến A, B, C, D rồi so sánh với 9 nếu khoảng cách < 9 thì con Cún đến được các điểm, còn lớn hơn thì nó không đến đượcOA2 = 32 + 42 = 52 ⇒ OA = 5 < 9OB2 = 44 + 62` = 52 ⇒ OB = OC2 = 82 + 62 = 102 ⇒ OC = 10 > 9OD2 = 32 + 82 = 73 ⇒ OD =  | A 4m 8m D 3m  6m O 6m B C OA2 = 32 + 42 = 52 ⇒ OA = 5 < 9OB2 = 44 + 62` = 52 ⇒ OB = OC2 = 82 + 62 = 102 ⇒ OC = 10 > 9OD2 = 32 + 82 = 73 ⇒ OD = Vậy con Cún đến được các vị trí A, B, D nhưng không đến được vị trí C.  - Học thuộc định lý Py-ta-go (thuận và đảo)- BTVN: 82, 83, 86 (SBT).**-** Chuẩn bị bài ***“Các trường hợp bằng nhau của tam giác vuông ”*** |